

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2023/HSST**

Ngày: 31/7/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Trâm**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Trần Văn Sơn**
Ông **Nguyễn Dũng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Quỳnh Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia phiên toà:* Ông **Lê Văn Quy**- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2023/HSST ngày 30 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Mạnh N**; Giới tính: Nam;

Sinh ngày: 05/10/1995; tại: TP. Hà Nội;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Vĩ T, Xã. T, TX. S, TP. Hà Nội;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 9/12;

Nghề nghiệp: Lao động phổ thông;

Tiền án, tiền sự: Không;

Họ và tên cha: Lê Văn G (SN: 1962, còn sống);

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị V (SN: 1969, còn sống);

Giá đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con út.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày **06/4/2023** hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận Ngũ Hành Sơn, Tp Đà Nẵng. Có mặt tại phiên toà.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Phạm Thị Kim P**, sinh năm: 1971. HKTT: Tổ 8, phường M, quận N, TP Đà Nẵng. Nơi ở: Kìet 93 đường N, Tổ 151, phường H, quận Ngũ Hành S, TP Đà Nẵng.

2. Bà **Nguyễn Thị Xuân L**, sinh năm: 1988. Trú tại: Số 93 đường P, phường K, quận C, TP Đà Nẵng.

3. Ông **Cao Văn Minh D**, sinh năm: 1975. Trú tại: số 11 đường Đ, phường H, quận H, TP Đà Nẵng.

4. Bà **Huỳnh Thị H**, sinh năm: 1984. Trú tại: Tổ 10, phường N, quận H, TP Đà Nẵng. Nơi ở: K90/16 đường H, phường N, quận H, TP Đà Nẵng.

5. Bà **Huỳnh Thị Ngọc B**, sinh năm: 1991. HKTT: Tổ 89 phường N, quận S, TP Đà Nẵng. Nơi ở: 90/02 đường H, quận H, TP. Đà Nẵng.

6. Bà **Nguyễn Thị Lệ M**, sinh năm: 1989. Trú tại: K33/35 đường N, phường M, quận S, TP Đà Nẵng.

7. Bà **Nguyễn Thiện H**, sinh năm: 1974. HKTT: Tổ 29, phường T, quận T, TP Đà Nẵng. Nơi ở: K20H27/7 đường H, TP. Đà Nẵng.

8. Bà **Nguyễn Thiện N**, sinh năm: 1976. HKTT: Tổ 9, phường T, quận T, TP Đà Nẵng. Nơi ở: K14/141 đường Đ, TP. Đà Nẵng.

9. Bà **Lê Thị Thùy T**, sinh năm: 1990. Trú tại: Số 46 đường S 2, phường T, quận S, TP Đà Nẵng.

10. Ông **Bùi Hoàng L**, sinh năm: 2000. Trú tại: Tổ 89 phường A, quận S, TP Đà Nẵng.

(Tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/6/2022, Phòng Cảnh sát hình sự Công an thành phố Đà Nẵng tuần tra kiểm soát phát hiện Hà Tuấn D điều khiển xe ô tô BKS: 30H - 414.45 có nhiều biểu hiện nghi vấn nên đã tiến hành kiểm tra, phát hiện D có hành vi cho vay lãi nặng nên đưa về trụ sở làm việc. Qua đấu tranh, D khai nhận còn có Nguyễn Huỳnh Quốc C cùng làm cho D.

Vào lúc 12 giờ 05 phút ngày 06/6/2022, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành khám xét chỗ ở của Nguyễn Huỳnh Quốc C tại Phòng 402, căn hộ Lô 06-B1 đường A 37, phường M, quận N, TP. Đà Nẵng thu giữ nhiều đồ vật tài liệu có liên quan đến việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên đã tiến hành bắt khẩn cấp đối với Hà Tuấn D và Nguyễn Huỳnh Quốc C.

* Quá trình điều tra đã xác định được như sau:

Khoảng tháng 03/2022, Hà Tuấn D thuê Lê Mạnh N với mục đích đến TP.Đà Nẵng để tổ chức hoạt động cho vay lãi nặng. Sau đó, N thuê Nguyễn Huỳnh Quốc C cùng đến TP. Đà Nẵng để tham gia cho vay cùng N. N và C vào TP. Đà Nẵng cùng trú tại: Chung cư M, Phường. M, Quận. N, TP. Đà Nẵng, còn D vẫn ở tại Hà Nội và chuyển tiền vào tài khoản của N để cho vay.

Trong quá trình thực hiện hành vi cho vay lãi nặng tại thành phố Đà Nẵng thì đến khoảng giữa tháng 4/2022, Lê Mạnh N về Hà Nội để mổ dây chằng chân và bàn giao công việc lại cho D. Khi nghe thông tin D và C bị bắt thì N cắt liên lạc và bỏ trốn

khởi địa phương. Ngày 29/11/2022 Cơ quan CSĐT Công an quận N, thành phố Đà Nẵng đã ra Quyết định truy nã số 03 đối với Lê Mạnh N.

Đến ngày 06/04/2023, Lê Mạnh N đến Cơ quan CSĐT - Công an quận N, thành phố Đà Nẵng đầu thú và khai nhận (BL: 350-361):

Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2022 đến ngày 06/6/2022, Lê Mạnh N cùng với Nguyễn Huỳnh Quốc C đã giúp sức cho Hà Tuấn D thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với 14 khách vay với 32 lượt vay, tổng số tiền vay 1.043.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 164.092.640 đồng; với phương thức, thời hạn và cách tính lãi như sau: N và C sử dụng mạng xã hội Facebook đăng tin tìm người vay và đăng tải số điện thoại 0905.217.303 của C để người vay biết liên hệ vay tiền. Khi có khách vay tiền liên hệ, N đến trực tiếp xem nhà và thu giữ các giấy tờ cá nhân như: căn cước công dân, sổ hộ khẩu....Chu kỳ mỗi gói vay là 30 ngày, 33 ngày, 40 ngày,...tùy vào số tiền người vay; lãi suất của mỗi chu kỳ vay là 20%/tổng số tiền vay. Trong đó, N và C trực tiếp cho 10 khách vay với 24 lượt vay, tổng số tiền gốc cho vay là: 253.000.000 đồng, số tiền lãi thu được là: 51.040.000 đồng (trong đó, số tiền được phép thu là: 4.339.782 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 46.700.218 đồng) và 1.600.000 đồng phí dịch vụ. Cụ thể:

1/ Bà: **Phạm Thị Kim P** (SN: 1971; trú tại: Tổ 151, Phường. H, Quận. N, TP. Đà Nẵng): bà P đã 01 lần vay với tổng số tiền 10.000.000 (gói vay 34 ngày), đã trả xong 6.000.000 đồng tiền gốc và 2.200.000 đồng tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 186.301 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.013.699 đồng). Số tiền bà P chưa trả là 4.000.000 đồng.

2/ Bà: **Nguyễn Thị Xuân L** (SN: 1988; trú tại: số 93 đường P, Phường. K, Quận. C, TP. Đà Nẵng): bà L đã 01 lần vay với tổng số tiền 5.000.000 đồng (vay gói 30 ngày, không thu tiền lãi trước, mỗi ngày trả 200.000 đồng cả gốc và lãi), đã trả xong 1.440.000 đồng tiền gốc và 360.000 đồng tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 24.658 đồng, tiền thu lợi bất chính là 335.342 đồng). Số tiền bà L chưa trả là 3.560.000 đồng.

3/ Ông: **Cao Văn Minh D** (SN:1975; trú tại: số 11 đường Đoàn Quý P, Phường. H, Quận. H, TP. Đà Nẵng): ông D đã 02 lần vay với tổng số tiền 60.000.000 đồng (vay gói 30 ngày), đã trả xong 47.000.000 đồng tiền gốc và 12.000.000 đồng tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 986.301 đồng, tiền thu lợi bất chính là 11.013.699 đồng). Số tiền ông D chưa trả là 13.000.000 đồng.

4/ Bà: **Huỳnh Thị H** (SN: 1984; trú tại: Tổ 10, Phường. N, Quận. H, TP. Đà Nẵng): bà H đã 02 lần vay với tổng số tiền 20.000.000 đồng (vay gói 34 ngày), đã trả xong 17.200.000 đồng tiền gốc và 4.400.000 đồng tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 372.603 đồng, tiền thu lợi bất chính là 4.027.397 đồng); Phí dịch vụ 200.000 đồng. Số tiền bà H chưa trả là 2.800.000 đồng.

5/ Bà: **Huỳnh Thị Ngọc B** (SN:1991; trú tại: Tổ 89, Phường. N, Q. S, TP. Đà Nẵng): bà B đã 04 lần vay với tổng số tiền 40.000.000 đồng (vay gói 34 ngày), đã trả xong 37.200.000 tiền gốc và 8.800.000 đồng tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 745.205 đồng, tiền thu lợi bất chính là 8.054.795 đồng). Phí dịch vụ: 600.000 đồng. Số tiền bà B chưa trả là 2.800.000 đồng.

6/ Bà: **Nguyễn Thị Lệ M** (SN: 1989; trú tại: K33/35 đường N, Phường. M, Quận. S, TP. Đà Nẵng): bà M đã 03 lần vay với tổng số tiền 30.000.000 đồng (vay gói 30 ngày, không thu tiền lãi trước), đã trả xong 24.800.000 đồng tiền gốc và 5.200.000 đồng tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 493.152 đồng, tiền thu lợi bất chính là 4.706.848 đồng). Số tiền bà Mai chưa trả là 5.200.000 đồng.

7/ Bà: **Nguyễn Thiện H** (SN: 1974; trú tại: Tổ 29, Phường. T, Quận. T, TP. Đà Nẵng): bà H có 02 lần vay với tổng số tiền 20.000.000 đồng (vay gói 34 ngày) đã trả hết số tiền 20.000.000 đồng tiền gốc và 4.800.000 tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 372.603 đồng, tiền thu lợi bất chính là 4.427.397 đồng). Phí dịch vụ: 400.000 đồng.

8/ Bà: **Nguyễn Thiện N** (SN: 1976; trú tại: Tổ 9, Phường. T, Quận. T, TP. Đà Nẵng): bà N đã 03 lần vay với tổng số tiền 18.000.000 đồng (vay gói 30 ngày), đã trả xong 12.600.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 295.890 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.704.110 đồng). Số tiền bà N chưa trả là 5.400.000 đồng.

9/ Bà: **Lê Thị Thùy T** (SN: 1990; trú tại: Số 46 đường S 2, Phường. T, Quận. S, TP. Đà Nẵng): bà T đã vay 02 lần với số tiền 10.000.000 đồng (vay gói 30 ngày, không thu tiền lãi trước), đã trả xong 6.920.000 đồng tiền gốc và 1.480.000 đồng tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 115.069 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.364.931 đồng). Số tiền bà T chưa trả là 3.080.000 đồng.

10/ Ông: **Bùi Hoàng L** (SN: 2000; trú tại: Tổ 89, Phường. A, Quận. S, TP. Đà Nẵng): ông L đã vay 04 lần với số tiền 40.000.000 đồng (vay gói 37 ngày), đã trả xong 27.800.000 đồng tiền gốc và 8.800.000 đồng tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 748.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 8.052.000 đồng). Phí dịch vụ: 400.000 đồng. Số tiền ông L chưa trả là 12.200.000 đồng.

Quá trình làm việc, N được D trả công 8.000.000 đồng/1 tháng và N đã nhận được 16.000.000 đồng của D trả công cho N.

* Tang vật thu giữ tại chỗ ở của Nguyễn Huỳnh Quốc C:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, BKS: 43G1-319.81, đây là phương tiện Lê Mạnh N và Nguyễn Huỳnh Quốc C sử dụng để cho vay lãi nặng (BL:77,78).

Đối với Hà Tuấn D, Nguyễn Huỳnh Quốc C, vật chứng liên quan và các biện pháp tư pháp đã được Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP.Đà Nẵng đưa ra xét xử tại Bản án số 06/2023/HSST ngày 16/01/2023 nên không đề cập đến.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố theo Bản cáo trạng số 41/CT-VKS- NHS ngày 26/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố **Lê Mạnh N** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” đồng thời đề nghị: Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Mạnh N từ **06 tháng đến 09 tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 06/4/2023.

* **Xử lý vật chứng, đồ vật tạm giữ:**

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, BKS: 43G1-319.81, qua điều tra xác định đây là tài sản thuộc sở hữu của Lê Mạnh N. Do đó, đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước do sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội.

- Đề nghị truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 16.000.000 đồng mà Hà Tuấn D đã trả cho Lê Mạnh N khi thực hiện hành vi phạm tội.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, cơ quan Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Lê Mạnh N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 03/2022 đến ngày 06/6/2022, Lê Mạnh N và Nguyễn Huỳnh Quốc C đã giúp sức cho Hà Tuấn D cho 14 khách vay với 32 lượt vay, tổng số tiền vay 1.043.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 164.092.640 đồng (D và C đã bị xét xử). Trong đó, N và C trực tiếp cho 10 khách vay với 24 lượt vay, tổng số tiền cho vay là 253.000.000 đồng, số tiền lãi thu được là: 51.040.000 đồng (trong đó, số tiền lãi được phép thu là: 4.339.782 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 46.700.218 đồng) và 1.600.000 đồng phí dịch vụ. Lê Mạnh N được Hà Tuấn D trả công 16.000.000 đồng.

[3]. Về tính chất hành vi phạm tội của bị cáo:

Trong vụ án này, bị cáo Nam tham gia với vai trò đồng phạm, thực hành, giúp sức cho bị cáo Hà Tuấn D (đã bị xét xử trước đó về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” tại Bản án số 06/2023/HSST ngày 16/01/2023 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn) để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng, làm ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ của Nhà nước. Mặc dù biết việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, gây thiệt hại cho người vay, bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng vì động cơ tư lợi mà bị cáo đã bất chấp để thực hiện hành vi phạm tội đến cùng.

Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Do đó, hành vi nêu trên của Lê Mạnh N đã cấu thành tội “Cho vay lãi nặng

trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 41/CT-VKS- NHS ngày 26/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã ra đầu thú ngay khi biết mình bị truy bắt và bị cáo đã tác động gia đình nộp lại một phần tiền thu lợi bất chính, khắc phục hậu quả; do vậy cần áp dụng điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ đối với bị cáo.

[5] Về biện pháp chấp hành hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần quyết định hình phạt tù và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian ngắn mới đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Ngoài ra, nhằm để răn đe và có tác dụng giáo dục trong việc loại bỏ tình trạng tín dụng đen đang phát triển trong xã hội. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng theo Khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung bị cáo Lê Mạnh N số tiền 30.000.000đ.

[7] Về phần xử vật chứng và tài sản tạm giữ:

- Tang vật thu giữ tại chỗ ở của Nguyễn Huỳnh Quốc C: 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, BKS: 43G1-319.81, đây là phương tiện Lê Mạnh N và Nguyễn Huỳnh Quốc C sử dụng để cho vay lãi nặng. Qua điều tra xác định đây là tài sản thuộc sở hữu của Lê Mạnh N. Do đó, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước do sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội.

(Toàn bộ số vật chứng này hiện nay do Chi cục Thi hành án quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/6/2023)

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 16.000.000 đồng mà Hà Tuấn D đã trả cho Lê Mạnh N khi thực hiện hành vi phạm tội.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng mà gia đình Lê Mạnh N đã nộp khắc phục hậu quả tại Biên lai thu số 0001629 ngày 01/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn.

Đối với Hà Tuấn D, Nguyễn Huỳnh Quốc C, vật chứng liên quan và các biện pháp tư pháp đã được Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP.Đà Nẵng đưa ra xét xử tại Bản án số 06/2023/HSST ngày 16/01/2023 nên không đề cập đến.

[8] Xét các nội dung đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, về điều khoản luật và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng đối với bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp các nhận định của Hội đồng xét xử.

[9] Về án phí HSST: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Mạnh N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

1.1. Căn cứ khoản 2 khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Mạnh N 06 (Sáu) tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/4/2023.

1.2. Phạt bổ sung: **30.000.000 đồng**.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước của Lê Mạnh N: 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, BKS: 43G1-319.81.

(Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/6/2023).

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 16.000.000 đồng của Lê Mạnh N.

- Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án của Lê Mạnh Nam số tiền: **5.000.000 đồng** theo Biên lai thu số 0001629 ngày 01/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn.

3. Về án phí HSST: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- VKSND quận NHS;
- Công an quận NHS;
- Cơ quan THA Hình sự quận NHS;
- Chi Cục THADS quận NHS;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trâm

- Lưu hồ sơ vụ án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

